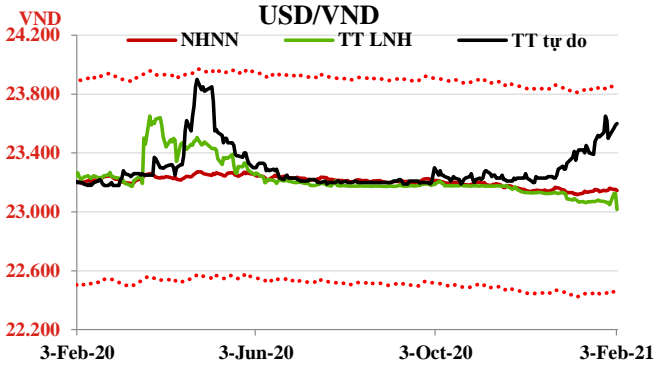


Tin trong nước ngày 03/02

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 03/02, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 23.145 VND/USD, giảm trở lại 07 đồng so với phiên trước đó. Tỷ giá mua kỳ hạn 6 tháng được giữ nguyên niêm yết ở mức 23.125 VND/USD, tỷ giá bán được niêm yết ở mức 23.789 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với trần tỷ giá. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên ở mức 23.019 VND/USD, giảm mạnh 18 đồng so với phiên 02/02. Tỷ giá trên thị trường tự do tiếp tục tăng 10 đồng ở cả hai chiều mua vào và bán ra, giao dịch tại 23.560 - 23.600 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày hôm qua, lãi suất chào bình quân LNH VND tiếp tục tăng mạnh 0,50 – 0,71 đpt ở tất cả các kỳ hạn từ 1M trở xuống so với phiên trước đó, cụ thể: ON 2,15%; 1W 2,27%; 2W 2,38% và 1M 2,38%. Trái lại, lãi suất chào bình quân LNH USD giữ nguyên ở các kỳ hạn ON và 1M trong khi giảm nhẹ 0,01 đpt ở các kỳ hạn 1W và 2W, giao dịch tại: ON 0,16%; 1W 0,21%; 2W 0,27%, 1M 0,37%. Lãi suất TPCP trên thị trường thứ cấp giảm nhẹ ở kỳ hạn 10Y trong khi tăng ở các kỳ hạn còn lại, cụ thể: 3Y 0,75%; 5Y 1,16%; 7Y 1,40%; 10Y 2,26%; 15Y 2,46%.
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Phiên 03/02, NHNN chào thầu 5.000 tỷ đồng trên kênh cầm cố, với kỳ hạn 14 ngày, lãi suất 2,50%. Có 4.850,4 tỷ đồng trúng thầu trên kênh này. Như vậy, NHNN bơm ròng ra thị trường 4,850,4 tỷ đồng trong phiên hôm qua, đưa khối lượng lưu hành trên kênh cầm cố lên mức 20.418,5 tỷ đồng.
- Thị trường trái phiếu:** Ngày 03/02, KBNN chỉ huy động được 80/6.000 tỷ đồng TPCP gọi thầu (tỷ lệ trúng thầu 1,3%). Trong đó, kỳ hạn 10 năm và 15 năm đều thất bại, riêng kỳ hạn 20 năm huy động được 80/1.000 tỷ đồng. Lãi suất trúng thầu kỳ hạn 20 năm giữ nguyên tại 2,89%.
- Thị trường chứng khoán:** Hôm qua, trên thị trường chứng khoán, các cổ phiếu vốn hóa lớn tiếp tục tăng trần. Kết thúc phiên giao dịch, VN-Index tăng 35,76 điểm (+3,32%) lên 1.111,29 điểm; HNX-Index tăng 8,26 điểm (+3,84%) lên 223,62 điểm; UPCoM-Index tăng 1,64 điểm (+2,29%) lên 73,3 điểm. Thanh khoản trên thị trường ở mức cao với tổng trị giá giao dịch đạt trên 18.000 tỷ đồng. Khối ngoại mua ròng mạnh gần 1.180 tỷ đồng trên cả 3 sàn.
- Theo Tổng cục Thống kê, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn NSNN tháng 01/2021 ước tính đạt 23.233 tỷ đồng, bằng 5,1% kế hoạch năm và tăng 24,5% so với cùng kỳ năm trước** (cùng kỳ năm 2020 bằng 3,6% và tăng 8,2%), gồm có: Vốn Trung ương quản lý đạt 3.045 tỷ đồng, bằng 3,9% kế hoạch năm và tăng 28,2% so với cùng kỳ năm trước; vốn địa phương quản lý đạt 20.188 tỷ đồng, bằng 5,4% kế hoạch năm và tăng 24%. Hoạt động đầu tư trong tháng 01/2021 tập trung chủ yếu vào thi công các công trình chuyển tiếp từ năm trước, hoàn tất các thủ tục nghiệm thu, thanh toán khối lượng hoàn thành của năm 2020. Các công trình mới được bố trí vốn năm 2021 chủ yếu đang trong thời gian hoàn tất thủ tục, hồ sơ chuẩn bị đầu tư nên chưa có khối lượng thực hiện.


Lãi suất LNH
Trái phiếu

Kỳ hạn	Lãi suất LNH				Trái phiếu		
	VND	D/D	USD	D/D	Kỳ hạn	Lợi suất	D/D
ON	2.15	0.71	0.16	0.00	3Y	0.75	0.01
1W	2.27	0.63	0.21	-0.01	5Y	1.16	0.02
2W	2.38	0.62	0.27	-0.01	7Y	1.40	0.01
1M	2.38	0.50	0.37	0.00	10Y	2.26	-0.004
2M	2.26	0.42	0.48	-0.03	15Y	2.46	0.02
3M	2.23	0.27	0.75	-0.04			
6M	2.68	0.06	0.99	-0.07			
9M	3.10	0.02	1.21	-0.06			
1Y	3.64	0.04	1.27	-0.08			

Nguồn: Reuters

Giao dịch mua kỳ hạn trên OMO (tỷ đ)

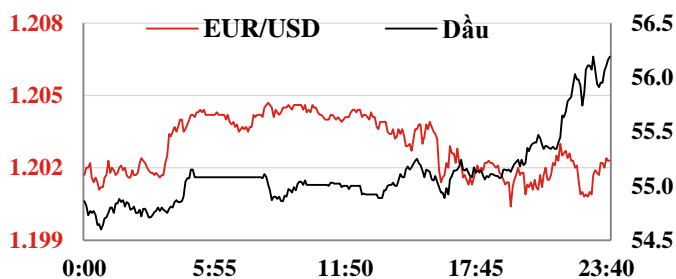
Ngày	Phiên	Kỳ hạn (ngày)	Lãi suất (%)	KL gọi thầu	KL trúng	KL đến hạn	Bơm/hút ròng	KL lưu hành
03-02-21	1	14	2.50	5,000	4,850	-	4,850.4	20,418.5
02-02-21	1	7	2.50	21,000	15,568.1	-	15,568.1	15,568.1
01-02-21	1	7	2.50	1,000	-	-	-	-

Thị trường TPCP sơ cấp

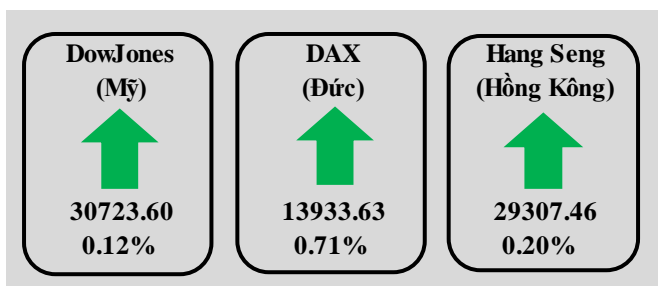
đơn vị: tỷ đồng

TCPH	Ngày ĐT	Kỳ hạn	KL gọi thầu	KL trúng thầu	LS trúng thầu	Thay đổi
MOF	3-Feb-21	10	3000	0	0.00%	0.00%
MOF	3-Feb-21	15	2000	0	0.00%	0.00%
MOF	3-Feb-21	20	1000	80	2.89%	0.00%
Tổng			6000	80		

	VN-Index	HNX-Index	Upcom
Điểm	1111.29	223.62	73.30
%/ngày	3.32%	3.84%	2.29%
%/31/12/2020	0.67%	10.1%	-1.5%
KLGD (tr.đ.vị)	703.18	117.13	38.1
GTGD (tỷ đ)	15886.95	1613.70	526.08
NDINN mua (tỷ đ)	2806.97	20.42	0.40
NDINN bán (tỷ đ)	1639.71	8.16	0.57



	3 Feb 21	Ngày (%)	Tuần (%)	Đầu năm (%)
USD index	91.17	-0.03%	0.58%	1.37%
USD/CNY	6.46	0.04%	-0.37%	-1.03%
USD/EUR	0.83	0.07%	0.61%	1.49%
USD/JPY	105.01	0.04%	0.88%	1.71%
USD/KRW	1113.46	-0.17%	0.46%	2.67%
USD/SGD	1.33	0.02%	0.30%	0.89%
USD/TWD	27.93	0.00%	-0.14%	-0.50%
USD/THB	30.01	0.03%	0.07%	-0.10%
USD/VND Trung tâm	23145	-0.03%	0.00%	0.06%
USD/VND LNH	23020	-0.45%	-0.19%	-0.29%
USD/VND tự do	23560	0.04%	0.47%	1.12%
Vàng	1833.76	-0.20%	-0.55%	-3.31%
Dầu	55.69	1.70%	5.37%	14.78%



Kỳ hạn	LIBOR		SIBOR	
	USD	TĐ	USD	TĐ
ON	0.0829	0.0018		
SW	0.0950	0.0100		
1M	0.1133	-0.0020	0.2500	0.0000
2M	0.1606	0.0053		
3M	0.1951	0.0029	0.4054	0.0000
6M	0.2238	0.0066	0.5927	0.0000
1Y	0.3060	0.0019	0.0000	0.0000

Số liệu SIBOR ngày 02/02/2021

Lãi suất cơ bản các Ngân hàng Trung Ương

NHTW	Đồng tiền	Kỳ trước	Kỳ này	Ngày thay đổi	Cuộc họp tới
Mỹ	USD	1,25%	0,25%	15/03/2020	16/03/2021
Châu Âu	EUR	0,5%	0,00%	10/03/2016	11/03/2021
Anh	GBP	0,25%	0,10%	19/03/2020	04/02/2021
Nhật	JPY	0,10%	-0,10%	28/01/2016	18/03/2021
Australia	AUD	0,25%	0,10%	03/11/2020	02/03/2021

Nguồn: TCTK, NHNN, Hose, HNX, Thomson-Reuters, MSBResearch

Tin quốc tế

- Mỹ đón những thông tin kinh tế tích cực.** Đầu tiên, Viện Xử lý Dữ liệu Tự động Mỹ ADP cho biết lĩnh vực phi nông nghiệp nước này tạo ra thêm 174 nghìn việc làm mới trong tháng 01/2021 sau khi mất đi 78 nghìn việc làm ở tháng trước đó, vượt mạnh so với kỳ vọng ở mức 48 nghìn việc làm mới. Tiếp theo, Viện Quản lý Cung ứng Mỹ ISM cho biết PMI lĩnh vực dịch vụ ở mức 58,7% trong tháng 01/2021, tăng từ mức 57,2% của tháng trước đó và trái với dự báo giảm xuống còn 56,7%. Hầu hết các đơn vị tham gia khảo sát của ISM đều cho thấy sự lạc quan hơn ở đầu năm mới. Thậm chí một số doanh nghiệp dự báo điều kiện kinh doanh sẽ nở rộ trong nửa cuối năm 2021 khi độ phủ của vaccine Covid-19 đã tương đối lớn.
- CPI khu vực Eurozone trở lại mức dương sau 5 tháng âm liên tiếp.** Văn phòng Thống kê Liên minh Châu Âu Eurostat cho biết CPI toàn phần khu vực Eurozone tăng 0,9% y/y trong tháng 01/2021 sau khi cho thấy mức giảm 0,3% ở tháng 12/2020, thậm chí tích cực hơn mức tăng 0,6% theo dự báo. Bên cạnh đó, CPI lõi của khu vực này tăng 1,4% y/y trong tháng vừa qua, cao hơn nhiều so với mức tăng 0,2% của tháng trước đó, và vượt qua mức tăng 0,9% theo dự báo. Liên quan tới kinh tế Đức, PMI lĩnh vực dịch vụ của quốc gia này chính thức ở mức 45,4 điểm trong tháng 01/2021, điều chỉnh tăng nhẹ so với mức 45,0 điểm theo khảo sát sơ bộ.
- PMI dịch vụ của nước Anh được điều chỉnh lên nhẹ, song vẫn là một cú rơi mạnh ở tháng đầu năm 2021.** IHS Markit điều chỉnh PMI lĩnh vực dịch vụ của nước Anh trong tháng vừa qua lên mức 39,5 điểm, tăng nhẹ so với 38,8 điểm theo khảo sát sơ bộ, nhưng vẫn giảm rất mạnh từ mức 49,4 điểm của tháng trước đó. Hầu hết các doanh nghiệp tỏ ra rất bi quan đối với lần đóng cửa thứ ba của nước này. Khác với Mỹ hay một số nền kinh tế lớn khác, nước Anh không có nhiều gói hỗ trợ tài khóa lớn cho các doanh nghiệp trong thời gian diễn ra dịch Covid-19. Quyết định hỗ trợ đáng kể nhất của nước này chỉ là chính sách giảm thuế với trị giá khoảng 50 tỷ GBP.

Lịch công bố các chỉ số kinh tế:

Ngày	Giờ VN	Mức độ ảnh hưởng	Chỉ số kinh tế	Kỳ này	Dự báo	Kỳ trước
03-02	7:30	*	Số cấp phép xây dựng Úc mm T12	10.9	3.2	3.4
03-02	16:00	*	PMI chính thức lĩnh vực dịch vụ Đức T1	45.4	45.0	45.0
03-02	16:30	**	PMI chính thức lĩnh vực dịch vụ Anh T1	39.5	38.8	38.8
03-02	17:00	*	CPI sơ bộ khu vực Eurozone yy T1	0.9	0.6	-0.3
03-02	17:00	*	CPI lõi sơ bộ khu vực Eurozone yy T1	1.4	0.9	0.2
03-02	20:30	**	Số việc làm thay đổi lĩnh vực phi nông nghiệp ADP Mỹ T01	174K	48K	-78K
03-02	22:00	**	PMI lĩnh vực dịch vụ ISM Mỹ T01	58.7	56.7	57.2
04-02	19:30	*	Cán cân thương mại Úc T12		9.00B	5.02B
04-02	17:00	*	Doanh số bán lẻ Eurozone mm T12		2.4	-6.1
04-02	17:00	***	LSCS NHTW Anh BOE		0.1	0.1
04-02	20:30	**	Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu Mỹ we		828K	847K
04-02	20:30	*	Giá trị đơn đặt hàng nhà máy Mỹ mm T12		0.7	1.0

VN-INDEX



VN-Index tiếp tục tăng tích cực lên mức 1.111,29 điểm. Chỉ số vượt qua ngưỡng thử thách SMA50, cho thấy đà phục hồi đang mạnh lên.

Ngưỡng hỗ trợ: 1.090 – 1.070

Ngưỡng kháng cự: 1.130 – 1.150

NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội

ĐT: 04.3771 8989 - Ext: 6867

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ

Những người thực hiện:

Nguyễn Nữ Hoài Ninh - Trưởng nhóm

Email: ninhnh1@msb.com.vn

Hoàng Thị Thu Trang - CVCC Phân tích

Email: tranghtt5@msb.com.vn

Nguyễn Trường Giang - CV Phân tích

Email: giangnt12@msb.com.vn

Những thông tin trên đây được Trung tâm Nghiên cứu kinh tế, MSB thu thập từ những nguồn được coi là đáng tin cậy. Những thông tin này chỉ mang tính tham khảo và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng những thông tin trên vào mục đích kinh doanh. Những thông tin trên có thể thay đổi do diễn biến của thị trường và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này.

Mọi ý kiến đóng góp, đăng ký hoặc rút tên khỏi danh sách nhận bản tin, xin Quý khách vui lòng liên hệ qua địa chỉ: Research@msb.com.vn